

THÔNG BÁO GIA HẠN THỜI ĐIỂM KHẢO SÁT, BÁO GIÁ

1. Nội dung thông báo mời khảo sát, báo giá trên Website của TKV và Website: dienluctkv.vn, ngày 12/05/2025

- Tên bên mời khảo sát, báo giá: Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV.
- Tên Đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị Hệ thống vận chuyển và thải tro bay NMNĐ Nông Sơn
- Thời gian khảo sát, báo giá: Từ 7h00 phút ngày 12 tháng 05 năm 2025 đến trước 9h 00 phút ngày 21 tháng 05 năm 2025.
- Địa chỉ tiếp nhận báo giá:
 - + Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: tổ dân phố Nông Sơn, thị trấn Trung Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Điện thoại: 02353. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)
 - + Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: Nongsong@vinacominpowers.vn và Email: phongkhnongsong@gmail.com (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

2. Nội dung thông báo gia hạn mời khảo sát, báo giá trên Website của TKV và Website: dienluctkv.vn, ngày 30/05/2025

- Tên bên mời khảo sát, báo giá: Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn - TKV.
- Tên Đơn hàng: Mua sắm vật tư thiết bị Hệ thống vận chuyển và thải tro bay NMNĐ Nông Sơn
- Thời gian khảo sát, báo giá (Gia hạn): Đến trước 9h 00 phút ngày 13 tháng 06 năm 2025.

3. Nay Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn-TKV gia hạn (Lần 3) thời điểm hết hạn thời gian khảo sát, báo giá như sau:

- Thời gian nhận bản báo giá gia hạn: Bản báo giá và tài liệu kèm theo phải được gửi đến Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 06 năm 2025.
- Địa chỉ tiếp nhận báo giá:
 - + Văn thư công ty hoặc Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty cổ phần Than-Điện Nông Sơn – TKV, địa chỉ: tổ dân phố Nông Sơn, thị trấn Trung Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Điện thoại: 02353. 656 900 (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực

tiếp – người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị)

+ Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ email: **Nongson@vinacominpowers.vn** và Email: **phongkhnongson@gmail.com** (Ghi chú: Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)

Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp quan tâm báo giá.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Email: **truyenthongtkv@vinacomins.vn** (để đăng tải);
- Email: **quyennb@vinacominspowers.vn** (để đăng tải);
- Lưu VT, KĐV, Th (3).



GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Thắng

PHỤ LỤC KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ, THIẾT BỊ
Hạng mục: Hệ thống vận chuyển và thải tro bay NMNĐ 2026
(Kèm theo Văn bản số: 1312 /V.NSCP-KĐV ngày 12/06/2025)

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
1	Vòng bi	SKF 6311	Vòng	4,00					
2	Vòng bi	SKF 6313	Vòng	4,00					
3	Dây curoa	5V710	Cái	6,00					
4	Sơn lót	Epoxy, màu xanh lá, chịu nhiệt 150 °C, xuất xứ Việt Nam	Kg	3,00					
5	Sơn phủ	Epoxy, màu xanh lá, chịu nhiệt 150 °C xuất xứ Việt Nam	Kg	3,00					
6	Dầu bôi trơn	VG140	lit	12,00					
7	Vòng bi	SKF 6313-2Z	Vòng	4,00					
8	Sơn cách điện động cơ	Epoxy lite E 577, xuất xứ Việt Nam	Kg	15,00					
9	Sơn phủ cách điện động cơ	Elmotherm VA42, xuất xứ Việt Nam	Kg	24,00					
10	Vòng bi	SKF 6308 2Z	Vòng	2,00					
11	Vòng bi	SKF 6307	Vòng	2,00					
12	Lọc gió	F 60xF150x300mm	Cái	1,00					
13	Dây curoa	A41	Cái	4,00					
14	Sơn lót	EPOXY- màu xanh lá, xuất xứ Việt Nam	Kg	0,50					
15	Sơn phủ	EPOXY- màu xanh lá, xuất xứ Việt Nam	Kg	0,50					
16	Vòng bi động cơ	SKF 6309-2Z	Vòng	2,00					
17	Sơn cách điện động cơ	Epoxy lite E 577, xuất xứ Việt Nam	kg	3,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
18	Vòng bi	SKF 22216CC/W33	Vòng	4,00					
19	Sơn lót	Epoxy, màu xanh lá	Kg	15,00					
20	Sơn phủ	Epoxy, màu xanh lá	Kg	30,00					
21	Dầu bôi trơn	VG46	lit	14,00					
22	Vòng bi	SKF 6312-2Z	Vòng	2,00					
23	Vòng bi	SKF 6313-2Z	Vòng	2,00					
24	Cánh trộn âm	200x100x230x25mm, VL C45, 2 lỗ bắt bulong Ø 17 mm	Cái	140,00					
25	Vòng bi	SKF 22220 E	Vòng	8,00					
26	Vòng bi	SKF 32220	Vòng	8,00					
27	Van tay	DN50, J41H-16C Xuất xứ Trung Quốc	Cái	2,00					
28	Xích lai	160/1R L= 6m Bao gồm khóa xích	Sợi	2,00					
29	Sơn lót	Epoxy, màu xanh lá, xuất xứ Việt Nam	Kg	10,00					
30	Sơn phủ	Epoxy, màu xanh lá, xuất xứ Việt Nam	Kg	20,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
31	Dầu bôi trơn	VG150	lit	6,00					
32	Béc phun	VL 304, Ø21, h=22mm, ren ngoài 18.5mm, lỗ phun Ø7; bước ren 1.5mm	Cái	30,00					
33	Chậu béc phun	VL 304, Ø21, h=28mm, ren trong 18.5mm; bước ren 1.5mm	Cái	30,00					
34	Động cơ+ Hộp giảm tốc	Model: Y160L-4B5, Công suất 15 kW, Điện áp động cơ 380V Tần số 50Hz Dòng điện định mức 30.3A Tốc độ quay động cơ 1460r/min Công suất xả xỉ: 60t/h đường kính trục 42mm Model: XWD8- 23-15 KW Đường kính trục 90mm	Bộ	1,00					
35	Trục 1 bộ trộn ẩm	Φ116/Φ100mm Bản vẽ kèm theo Vật liệu 42CrMo4	Cái	2,00					
36	Trục 2 bộ trộn ẩm	Φ142, bản vẽ kèm theo Vật liệu 42CrMo4	Cái	2,00					
37	Trục 3 bộ trộn ẩm	Φ142, bản vẽ kèm theo Vật liệu 42CrMo4	Cái	2,00					
38	Trục 4 bộ trộn ẩm	Φ142, bản vẽ kèm theo Vật liệu 42CrMo4	Cái	2,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
39	Mặt bích bộ trộn ẩm	KT:118x200mm VL : SUS 304, bản bẽ kèm theo	Cái	8,00					
40	Gối bộ trộn ẩm	VL: hợp kim gang, bản vẽ kèm theo	Cái	8,00					
41	Bu lông	M16X70, 8.8, 2 ecu	Bộ	280,00					
42	Bản lề cuối	Φ25mm	Bộ	16,00					
43	Thép tấm	C45, dày 6mm KT1500x300mm Số lượng 1 tấm	Kg	213,00					
44	Thép tấm	C45, dày 10mm KT1500x300mm Số lượng 1 tấm	Kg	354,00					
45	Thép U	U140x58x5x6 Mạ kẽm, L=6m Số lượng 12m	Kg	122,00					
46	Thép U	KT: 120x50x5mm, mạ kẽm, L=6m, SL: 6 cây	Kg	465,90					
47	Thép U	KT: 100x45x5mm, mạ kẽm, L=6m SL: 6 cây	Kg	395,64					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
48	Sàn đi lại chống trượt	Nhúng kẽm Thép tấm chống trượt dày 5mm	m2	10,00					
49	Van quay	Chiều cao van: 450mm kèm động cơ, KT Mặt bích 410x410mm; Đường kính trục 60mm Loại trục ngoài Sử dụng xích lai 80/1R Công suất 2~15 t/h Công suất động cơ 1.5kw Hãng sản xuất: Makino - Nhật Bản + 2 mặt bích rời kết nối 2 đầu van - Độ dày mặt bích 10mm - Vật liệu WCB	Bộ	2,00					
50	Van quay	Kích thước mặt bích đầu vào – đầu ra: 510x510x18mm; 12 lỗ bulong M16 Chiều cao van 450mmLoại trục ngoài; đường kính trục 60mmKèm động cơKT Mặt bích 400x400Đường kính trục 60mmLoại trục ngoàiSử dụng xích lai 80/1RCông suất 60 t/hCông suất động cơ 4kwHãng sản xuất: Makino - Nhật Bản	Bộ	1,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
51	Công tắc tơ	SCHNEIDER LC1D80M7 (85A, AC3 - 37KW/400V, 1N0+1NC)	Cái	2,00					
52	Rơ le nhiệt	SCHNEIDER 48-65A [LRD365]	Cái	2,00					
53	Aptomat	SCHNEIDER CVS MCCB 3P 125A 25kA [LV516302]	Cái	1,00					
54	Công tắc tơ	Schneider LC1D32M7, 32A, AC3 - 15KW/400V, 1N0+1NC	Cái	5,00					
55	Aptomat	Schneider A9K24363 63A 6kA 3P	Cái	1,00					
56	Đèn báo	Schneider XB2-BVM3LC, XB2-BVM4LC, XB2- BVM5LC đỏ vàng xanh	Bộ	15,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
57	Nút nhấn màu xanh	Phi 22mm XA2EA31 Schneide	Cái	15,00					
58	Nút nhấn màu đỏ	Phi 22mm XA2EA31 Schneide	Cái	15,00					
59	Tủ điện	Vỏ tủ điện ngoài trời Inox 304, hai lớp cửa, H500xW400xD250	Cái	2,00					
60	Van điện từ	3V210-08	Cái	4,00					
61	Báo mức silo	UWTNB3100 CO1DX1C**Supply 250VACOutput: 4-20mA max 30m	Cái	1,00					
62	Công tắc tơ	Schneider LC1D50AM7, 50A, AC3 - 22KW/400V, 1N0+1NC	Cái	4,00					
63	Rơ le nhiệt	3 pha 28-40A	Cái	2,00					
64	Rơ le trung gian	Omron MY4N-GS AC220/240, 14 chân, 6A	Cái	2,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
65	Ống thép	Φ76x5mm, C45 Cây dài 6m Số lượng 18m	Kg	159,00					
66	Bu lông	M16x50, 8.8 + long đên	Bộ	290,00					
67	Cút 90o	Cút tiêu chuẩn Φ159x6mm, C45	Cái	2,00					
68	Ống thép	Φ159x6mm, C45 L=6m Số lượng 1 ống	Kg	137,00					
69	Van chặn	DN150, PN1.0, Z41H-10C, Thép WCB Kết nối mặt bích Kiểu điều khiển: Tay quay. khả năng chịu nhiệt: ≤425oC Mặt bích tiêu chuẩn JIS 10K Xuất xứ Việt Nam	Cái	4,00					
70	Thép U100	Mạ kẽm U100x50x5mm Số lượng 1 cây Cây dài 6m	Kg	29,00					
71	Ống thép	Ống thép lót sứ, độ dày thép 3mm, độ dày lớp sứ 5mm, Ø168mm, L=6m;	Ống	6,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
		Hàn nối sẵn mặt bích 2 đầu DN150, bích dày 12mm, WCB, tiêu chuẩn JIS10K							
72	Cút 90o	Cút gia công lót sứ độ dày thép 3mm, độ dày lớp sứ 5mm, Ø168mm, R1200mm Kết nối mặt bích Hàn nối sẵn mặt bích 2 đầu DN150, bích dày 12mm, WCB, tiêu chuẩn JIS10K	Cái	5,00					
73	Lối 30o	Lối gia công lót sứ độ dày thép 3mm, độ dày lớp sứ 5mm, Ø168mm, R1200mm Kết nối mặt bích Hàn nối sẵn mặt bích 2 đầu DN150, bích dày 12mm, WCB, tiêu chuẩn JIS10K	Cái	2,00					
74	ống nối chữ Y	Góc Y 30o gia công lót sứ độ dày thép 3mm, độ dày lớp sứ 5mm, Ø168mm, R1200mm Kết nối mặt bích Hàn nối sẵn mặt bích 2 đầu DN150, bích dày 12mm, WCB, tiêu chuẩn JIS10K	Cái	1,00					
75	Mặt bích	DN150, bích dày 12mm, WCB, tiêu chuẩn JIS10K	Cái	18,00					
76	Cao su tấm	Cao su tổng hợp EPDM Chịu nhiệt 150oC	m2	3,00					

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
77	Ống thép	Ø325x10mm Vật liệu C45 L=6m; sl: 01 ống	Kg	361,55					
78	Khớp giãn nở	DN300, L=500mm, kết nối bích 2 đầu, Vật liệu SUS 304 + 2 mặt bích rời 2 đầu, dày 10mm, vật liệu WCB, 8 lỗ bu lông M16	Cái	1,00					
79	Van cổng dao điều khiển khí nén	DN300Vật liệu chế tạo: thép WCB Mặt bích tiêu chuẩn JIS 10k Vật liệu làm kín: cao su EPDM Áp lực làm việc thân van DN10 Áp lực khí nén điều khiển: 0~8 bar Môi trường làm việc: tro bay Nhiệt độ làm việc 200oC Xuất xứ: Hàn Quốc Kèm 2 mặt bích rời 2 đầu, vật liệu WCB, 8 lỗ bu lông M16, dày 10mm	Cái	1,00					
80	Thép U100	Mạ kẽm U100x50x5mm Số lượng 2 cây Cây dài 6m	Kg	57,00					
81	Thép tấm	1,5mx1m, C45, dày 8mm Mạ kẽm	Kg	95,00					
82	Côn thu	470/320, h=340mm, Vật liệu C45, thép dày 10mm Kết nối bích ở phía đầu côn 320mm KT Mặt bích 410x410mm Bản vẽ đính kèm	Cái	1,00					
83	Vuông tròn	300x300/Ø250, h=300mm, Vật liệu	Cái	1,00					



STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Xuất xứ, hãng sản xuất	Nguồn gốc, nước sản xuất	Ghi chú
		C45, thép dày 10mm Kết nối bích phía vuông 300x300 KT Mặt bích 410x410mm, WCB Bản vẽ đính kèm							
84	Sơn lót	Sơn chịu nhiệt Epoxy Chịu nhiệt 150 độ Mã SP: 649 Màu ghi Xuất xứ Việt Nam	lít	201,20					